HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2019/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày tháng năm 2019*

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT
Về một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Nai đến năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX – KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Xét Tờ trình số ...ngày...tháng...năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc đề nghị thông qua một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong nước (100% vốn trong nước) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án đầu tư thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ (sau đây gọi là Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển);

- Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp, phân khu công nghiệp chuyên ngành công nghiệp hỗ trợ.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng áp dụng tại điểm a, khoản 2, Điều 1 đã được ngân sách tỉnh hoặc ngân sách Trung ương hỗ trợ theo các quy định khác thì không được hỗ trợ theo quy định này.

2. Đối tượng được hỗ trợ phải sử dụng kinh phí được ngân sách hỗ trợ đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện việc đầu tư và thanh toán, quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ, kinh phí thực hiện

1. Hỗ trợ Dự án đầu tư mới, hoặc đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng hạ tầng trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời hạn 05 năm, kể từ thời điểm khởi công dự án, cụ thể:

- Doanh nghiệp quy mô vừa: hỗ trợ tối đa cho 01 doanh nghiệp là 3.000m^2 diện tích đất thuê trong khu, cụm công nghiệp, nhưng tổng chi phí sử dụng hạ tầng được hỗ trợ không quá 600.000.000 đồng/dự án/5năm.

- Doanh nghiệp quy mô nhỏ: hỗ trợ tối đa cho 01 doanh nghiệp là 1.500m^2 diện tích đất thuê trong khu, cụm công nghiệp, nhưng tổng chi phí sử dụng hạ tầng được hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/dự án/5năm.

b) Hỗ trợ 100% chi phí xử lý nước thải công nghiệp trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm dự án đi vào hoạt động, nhưng không quá 200.000.000 đồng/doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ lãi vay đầu tư xây dựng cơ bản hoặc đầu tư thiết bị, công nghệ thuộc dự án công nghiệp hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ lãi vay: không quá 05 năm, kể từ ngày giải ngân lần đầu của các tổ chức tín dụng.

b) Mức vốn vay được hỗ trợ lãi vay:

- Đối với vốn vay đầu tư xây dựng cơ bản: được hỗ trợ lãi vay không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án, nhưng tổng mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 20 tỷ đồng cho 01 dự án, nhưng tổng chi phí hỗ trợ lãi vay không quá 04 tỷ đồng/dự án/5năm.

- Đối với vốn vay đầu tư thiết bị, công nghệ tiến tiến, hiện đại, được hỗ trợ lãi vay không quá 85% tổng mức đầu tư của dự án, nhưng tổng mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 10 tỷ đồng cho 01 dự án, nhưng tổng chi phí hỗ trợ lãi vay không quá 02 tỷ đồng/dự án/5năm.

c) Mức lãi suất được hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng (loại trả lãi cuối kỳ) của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) thông báo hàng tháng theo quy định.

d) Đối với dự án vay vốn bằng ngoại tệ, ngân sách hỗ trợ lãi suất tính theo tỷ giá quy đổi do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

3. Kinh phí thực hiện

a) Dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ trong giai đoạn 2020-2025 là: 114,8 tỷ đồng, trong đó:

- Năm 2020: 15,8 tỷ;

- Năm 2021: 19,8 tỷ;

- Năm 2022: 19,8 tỷ đồng;

- Năm 2023: 19,8 tỷ đồng;

- Năm 2024: 19,8 tỷ;

- Năm 2025: 19,8 tỷ đồng.

b) Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa …. kỳ họp thứ …. thông qua ngày ...tháng … năm …. và có hiệu lực từ ngày…/.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ CôngThương;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấphuyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo ĐN, LĐĐN; Đài PT-TH ĐồngNai;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND ngày / /2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện												Tổng kinh phí (tỷ đồng)
		2020		2021		2022		2023		2024		2015		
		Số lượng (dự án)	Kinh phí (tỷ đồng)	Số lượng (dự án)	Kinh phí (tỷ đồng)	Số lượng (dự án)	Kinh phí (tỷ đồng)	Số lượng (dự án)	Kinh phí (tỷ đồng)	Số lượng (dự án)	Kinh phí (tỷ đồng)	Số lượng (dự án)	Kinh phí (tỷ đồng)	
I	**Hỗ trợ phí sử dụng hạ tầng cho doanh nghiệp 100% vốn trong nước đầu tư sản xuất CNHT trong khu, CCN trên địa bàn tỉnh**		**1,8**		**1,8**		**1,8**		**1,8**		**1,8**		**1,8**	**10,8**
1	- Dự án đầu tư mới, hoặc đầu tư mở rộng (Doanh nghiệp quy mô vừa/3.000m^2/600.000.000 đồng)	2	1,2	2	1,2	2	1,2	2	1,2	2	1,2	2	1,2	7,2
2	- Dự án đầu tư mới, hoặc đầu tư mở rộng (Doanh nghiệp quy mô nhỏ/1.500m^2/300.000.000 đồng)	2	0,6	2	0,6	2	0,6	2	0,6	2	0,6	2	0,6	3,6
II	**Hỗ trợ chi phí xử lý nước thải công nghiệp** (200.000.000 đồng/doanh nghiệp)	**5**	**1**	**5**	**1**	**5**	**1**	**5**	**1**	**5**	**1**	**5**	**1**	**6**
III	**Hỗ trợ lãi vay**		**14**		**18**		**18**		**18**		**18**		**18**	**104**
1	- Hỗ trợ lãi vay đối với vốn vay đầu tư xây dựng cơ bản	2	8	2	8	2	8	2	8	2	8	2	8	48
2	- Hỗ trợ lãi vay đối với vốn vay đầu tư thiết bị, công nghệ tiến tiến, hiện đại	3	6	5	10	5	10	5	10	5	10	5	10	56
	TỔNG		**15,8**		**19,8**		**19,8**		**19,8**		**19,8**		**19,8**	**114,8**